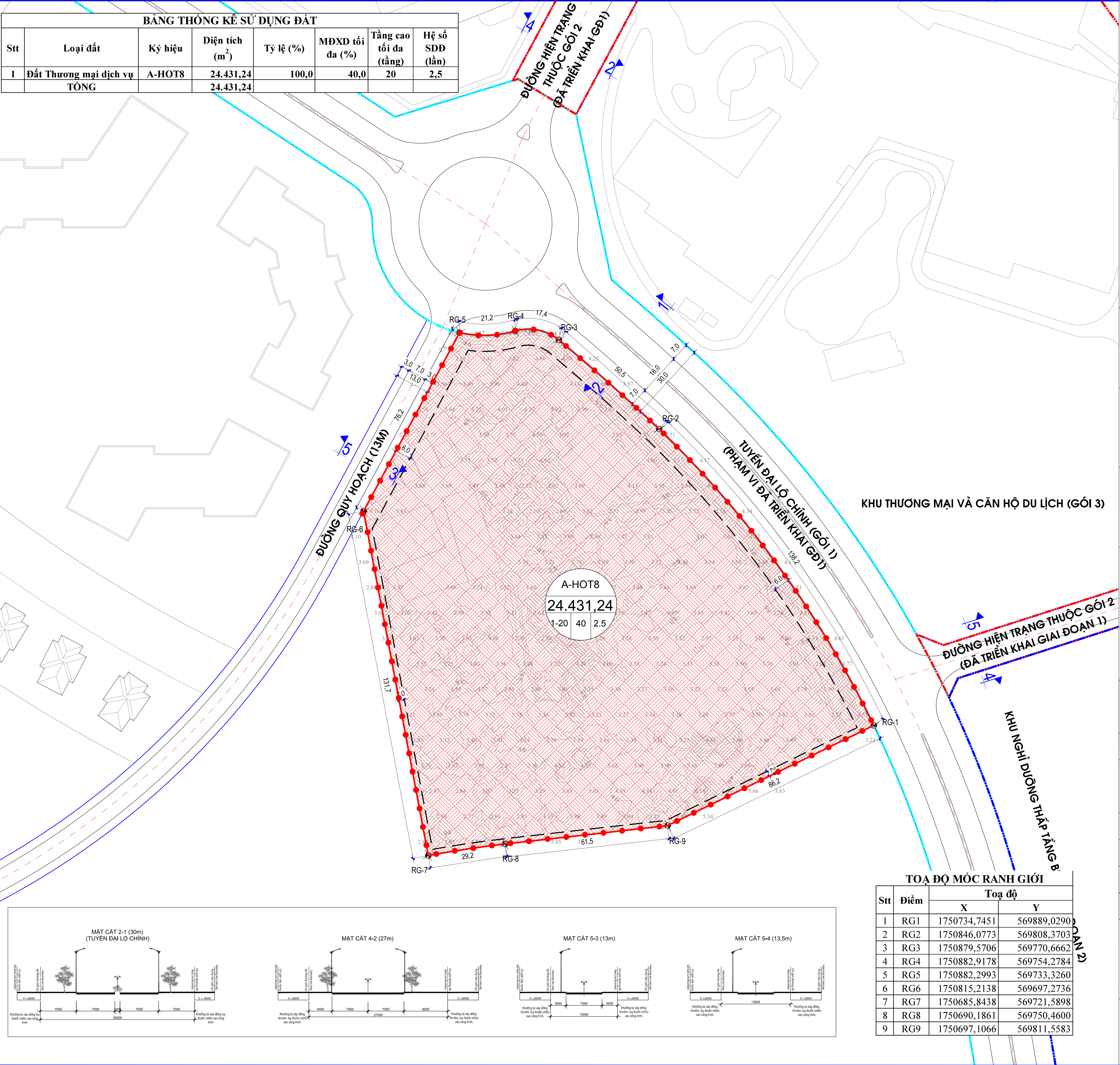


BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT							
Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số SDD (lần)
1	Đất Thương mại dịch vụ TỔNG	A-HOT8	24.431,24	100,0	40,0	20	2,5



GHI CHÚ:

KÝ HIỆU:			
STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
1	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		
2	ĐƯỜNG GIAO THÔNG		

RANH GIỚI QUY HOẠCH

RANH GIỚI KHU NGHỈ DƯỠNG THẤP TẦNG BIÊN THUỘC GIAI ĐOẠN 2, DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN

RANH GIỚI TUYẾN ĐẠI LỘ CHÍNH - GÓI 1, DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN

RANH GIỚI KHU THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, NGHỈ DƯỠNG - GÓI 2 VÀ GÓI 3, DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

RG-2

TOA ĐỘ MỐC RANH GIỚI QH

KÍ HIỆU LỖ ĐẤT

DIỆN TÍCH LỖ ĐẤT (M2)

HỆ SỐ SDD (LẦN)

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)

TẦNG CAO (TẦNG)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG....NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ:.....NGÀY.....THÁNG....NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NAM HỘI AN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG....NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NAM HỘI AN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG....NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/500)
KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN (GIAI ĐOẠN 2B) - KHU D
ĐỊA ĐIỂM: XÃ THẮNG AN VÀ XÃ DUY NGHĨA, TP ĐÀ NẴNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: A2	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY:...../2025
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN KÔNG NHẬT		
	KTS. HUỖNH CAO CHÂU TUẤN		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN HIỆP ĐỊNH		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN HIỆP ĐỊNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ THANH A		
QL. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN THANH SƠN		

GIÁM ĐỐC

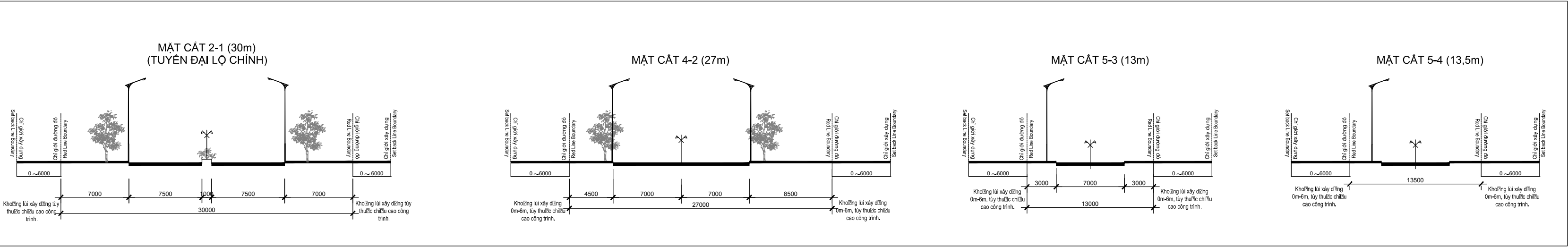
NGUYỄN HIỆP ĐỊNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & THI CÔNG**



A.CENTER

ĐỊA CHỈ: 60 NGUYỄN VĂN TRỖI, P. BÀN THẠCH, TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0905.258.513; EMAIL: ARCHIEPDINH@GMAIL.COM



Stt	Điểm	Toạ độ	
		X	Y
1	RG1	1750734,7451	569889,0290
2	RG2	1750846,0773	569808,3703
3	RG3	1750879,5706	569770,6662
4	RG4	1750882,9178	569754,2784
5	RG5	1750882,2993	569733,3260
6	RG6	1750815,2138	569697,2736
7	RG7	1750685,8438	569721,5898
8	RG8	1750690,1861	569750,4600
9	RG9	1750697,1066	569811,5583